

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 02 -2026

“V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Kim Triều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Bà **Lâm Thị Hồng Đ1**, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường H, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Qua thời gian tìm hiểu và được sự chấp thuận của gia đình hai bên, ông và bà Lâm Thị Hồng Đ1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức đám cưới

và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 10/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn phù hợp với nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt và vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nhiều lần vợ chồng trao đổi để tìm cách khắc phục tình trạng hôn nhân, nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn cứ diễn ra hàng ngày, đời sống lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa giải.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị Hồng Đ1.

Về con chung: Ông và bà Đ1 có 01 con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 30/6/2015, sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà Lâm Thị Hồng Đ1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn Lê Thị Hồng Đ2 có đơn xin vắng mặt và có lời trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà đồng ý ly hôn với ông Trần Văn Đ.
  - Về con chung: bà và ông Trần Văn Đ có 01 con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 30/6/2015, bà Đ2 đồng ý giao con chung Trần Ngọc Như Ý cho ông Trần Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà Đ2 không cấp dưỡng nuôi con.
  - Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- \* Con chung cháu Trần Ngọc Như Ý trình bày và có yêu cầu như sau:* cháu là con của mẹ Lâm Thị Hồng Đ1 và cha Trần Văn Đ. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với cha Trần Văn Đ.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần Văn Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Đ và bà Lâm Thị Hồng Đ1 tự nguyện tiến đến hôn nhân hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa Đ và bà Đ1 là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau một thời gian trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị Hồng Đ1 có phát sinh mâu thuẫn, ông bà sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và hai bên thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của ông Đ và bà Đ1 không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ lo bản phận người đó, bỏ mặt nhau sống sao thì sống, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống với nhau ông Đ và bà L có 01 con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 30/6/2015, sau khi ly hôn ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà Lâm Thị Hồng Đ1 cấp dưỡng nuôi con. Bà Đ1 cũng đồng ý giao con Trần Ngọc Như Ý cho ông Đ nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trần Ngọc Như Ý hiện đang sống chung với ông Đ và ông Đ vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Đ, giao con Trần Ngọc Như Ý cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Như Ý.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho ông Đ và bà Đ1 biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ và bà Đ1 không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con, nếu có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì theo quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân gia đình, vì bảo vệ quyền lợi của con chung, ông Đ có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: ông Đ và bà Đ1 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: ông Đ và bà Đ1 xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: ông Trần Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Trần Văn Đ và bà Lâm Thị Hồng Đ1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 30/6/2015 cho ông Trần Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: ông Đ và bà Đ1 xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: ông Đ và bà Đ1 xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0005469, ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên ông Đ không phải nộp thêm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Kim Triều**

